

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2017/DS-ST**

Ngày: 28-4-2017

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hữu Chí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hồng Đăng;
2. Bà Hoàng Thị Cát Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nhật Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tứ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2017/TLST- DS ngày 23 tháng 3 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2017/QĐST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu M, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ thường trú: khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ tạm trú: ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 23/03/2017, bản tự khai ngày 03/04/2017, biên bản hòa giải ngày 12/4/2017 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Nguyễn Hữu M trình bày:**

Vào ngày 07/12/2009 ông có cho bà Nguyễn Ngọc H vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 2.000.000 đồng/tháng (không thỏa thuận cụ thể ngày nào trong tháng sẽ nhận tiền lãi), không thỏa thuận thời gian trả nợ gốc. Mục đích vay là để xây cất nhà và thời điểm bà H vay tiền thì chồng bà H là ông Hồ N H đã chết trước đó, tuy

nhiên khi cho vay tiền ông M chỉ cho một mình bà H vay nên ông M chỉ yêu cầu một mình bà H phải trả tiền, ông M không có yêu cầu gì đối với các con của bà H.

Để có tiền cho bà H vay, ông M phải đi thế chấp sổ tiết kiệm của mình cho Ngân hàng TMCP công thương VN – Chi nhánh 9 thành phố Hồ Chí Minh với lãi suất 1,125%/tháng nên việc bà H vay tiền và tự nguyện trả lãi suất 2%/tháng theo ông là phù hợp. Hiện hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng bảo đảm tiền vay, kiêm giấy nhận nợ ngày 07/12/2009 giữa ông với Ngân hàng thì ông M đã trả tiền cho ngân hàng xong nên không có ý kiến gì và không yêu cầu xem xét.

Kể từ khi vay tiền, mỗi tháng bà H trả cho ông M 2.000.000 đồng tiền lãi, tính đến ngày 08/02/2014 (Ngày bà H ngưng trả lãi) thì tổng cộng ông M đã nhận của bà H 120.000.000 đồng tiền lãi (việc đóng tiền lãi không lập giấy tờ). Sau đó nhiều lần ông M có đến nhà bà H yêu cầu bà H trả tiền lãi và gốc nhưng bà H hứa bán đất rồi trả nhưng không thực hiện. Tháng 10/2016 bà H đến nhà đưa cho ông 110.000.000 đồng nhưng ông không nhận vì nhiều lý do, sau đó ông M làm đơn khởi kiện yêu cầu bà H phải thực hiện đúng cam kết trả cho ông số tiền 174.000.000 đồng làm một lần (trong đó gốc 100.000.000 đồng + lãi 74.000.000 đồng tính từ ngày 08/2/2014 đến nay).

*** Theo bản tự khai ngày 3/4/2017, biên bản hòa giải ngày 12/4/2017 và tại phiên Tòa hôm nay bị đơn bà Nguyễn Ngọc H trình bày:**

Bà H thừa nhận vào ngày 07/12/2009 bà có vay của ông M số tiền 100.000.000 đồng, thỏa thuận mỗi tháng trả 2.000.000 đồng tiền lãi, không thỏa thuận thời gian trả nợ gốc, nhưng giữa bà H và ông M tự hiểu với nhau khi nào ông M cần thì nói bà H sẽ trả nợ gốc.

Kể từ lúc vay, hàng tháng bà H trả cho ông M 2.000.000 đồng tiền lãi tính đến ngày 08/2/2014 với tổng số tiền là 120.000.000 đồng. Số tiền lãi đã trả cho ông M bà không có ý kiến thắc mắc gì, không yêu cầu Tòa án xem xét điều chỉnh.

Ngày 08/2/2014 do không có tiền nên bà ngưng trả lãi, ông M có đến nhà bà nhiều lần yêu cầu trả nợ gốc và nợ lãi. Bà hứa nhiều lần với ông M khi bán được đất sẽ lấy tiền trả nợ nhưng chưa thực hiện được. Đến khoảng tháng 10/2016 bà H có vay mượn và gom góp để trả cho ông M 110.000.000 đồng nhưng ông M không đồng ý nhận nên sự việc kéo dài đến hôm nay.

Nay ông M khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền 174.000.000 đồng (gốc 100.000.000 đồng, lãi 74.000.000 đồng) làm một lần, bà H chỉ đồng ý trả cho ông M 100.000.000 đồng tiền nợ gốc và 37.000.000 đồng tiền nợ lãi do hoàn cảnh của bà hiện giờ đang khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Về tố tụng:**

- Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Hữu M nộp đơn khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Ngọc H đang sinh sống trên địa bàn huyện N. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Về thời hiệu khởi kiện: Tại phiên Tòa, bà H yêu cầu áp dụng thời hiệu để giải quyết vụ án. Xét thấy ngày bà H ngưng trả lãi là ngày 08/02/2014, tuy nhiên sau đó tháng 10/2016 bà H tự nguyện đưa trả cho ông M 110.000.000 đồng gốc và lãi (nhưng ông M không nhận). Đồng thời theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên Tòa hôm nay bà H cũng đã thừa nhận nghĩa vụ của mình đối với ông M, do đó đối chiếu quy định tại Điều 154, 157 Bộ luật dân sự năm 2015. Xét vụ án vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

- Về căn cứ áp dụng pháp luật, quan hệ tranh chấp: Theo khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về điều khoản chuyển tiếp thì nguyên đơn ông Nguyễn Hữu M khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Ngọc H phải trả 100.000.000 đồng tiền vốn gốc vay từ ngày 07/12/2009 và lãi suất kể từ ngày 08/02/2014 cho đến nay với số tiền là 74.000.000 đồng, do đó căn cứ pháp luật để giải quyết vụ án được áp dụng theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 và quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

* Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa ông Nguyễn Hữu M tiếp tục yêu cầu bà Nguyễn Ngọc H phải trả lại 100.000.000 đồng vốn gốc vay từ ngày 07/12/2009 và tính lãi suất 2%/tháng kể từ ngày 08/02/2014 cho đến nay tương đương 74.000.000 đồng. Xét thấy:

Đối với khoản tiền vay: Theo giấy vay tiền lập ngày 07/12/2009 thể hiện bà H có vay của ông M số tiền 100.000.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn trả. Tại bản tự khai ngày 3/4/2017, biên bản hòa giải ngày 12/4/2017 và tại phiên Tòa hôm nay bà H thừa nhận ngày 07/12/2009 bà H có vay của ông M số tiền 100.000.000 đồng. Như vậy việc bà H vay tiền của ông M là có thật và hiện nay bà H chưa trả xong, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M buộc bà H phải trả số tiền vốn gốc vay 100.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với khoản tiền lãi: Theo giấy vay tiền lập ngày 07/12/2009, biên bản hòa giải ngày 12/4/2017 và tại phiên Tòa hôm nay ông Nguyễn Hữu M, bà Nguyễn Ngọc H thống nhất lãi suất thỏa thuận hàng tháng mà bà H phải trả cho ông M là 2.000.000 đồng (tương đương 2%/tháng). Tính đến ngày 08/02/2014 ông M đã nhận của bà H 120.000.000 đồng tiền lãi, tuy nhiên bà H không yêu cầu điều chỉnh số tiền lãi suất đã trả cho ông M nên HĐXX không xem xét. Nay ông M tiếp tục yêu cầu bà H phải trả lãi cho ông với mức lãi suất 2%/tháng từ ngày 08/02/2014 đến ngày xét xử (28/4/2017) tương đương số tiền 74.000.000 đồng, xét mức lãi suất mà ông M yêu cầu vượt quá quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam được áp dụng đến thời điểm xét xử (9%/năm - Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010), do đó cần phải điều chỉnh lại. Cụ thể:

- Từ ngày 08/02/2014 đến ngày 08/4/2017 là 38 tháng:

$100.000.000 \text{ đồng} \times 38 \text{ tháng} \times 1,125\%/\text{tháng} = 42.750.000 \text{ đồng}.$

- Từ ngày 08/4/2017 đến ngày 28/4/2017 là 20 ngày (lãi suất 01 ngày tương đương số tiền 100.000.000 đồng $\times 1,125\%/\text{tháng} : 30 \text{ ngày} = 37.500 \text{ đồng}$):

$20 \text{ ngày} \times 37.500 \text{ đồng} = 750.000 \text{ đồng}.$

Xét cần buộc bà H phải trả cho ông M số tiền lãi suất 43.500.000 đồng là phù hợp.

Tổng số tiền buộc bà H phải trả cho ông M là 143.500.000 đồng (Gồm 100.000.000 đồng vốn gốc vay và 43.500.000 đồng tiền lãi).

Tại phiên Tòa, ông M chỉ yêu cầu một mình bà H phải chịu trách nhiệm trả nợ, không yêu cầu các con bà H phải chung trách nhiệm trả nợ nên HĐXX không xem xét.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về trình tự thủ tục, thẩm quyền Tòa án thụ lý, thời hạn giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu M, buộc bà H phải trả lại cho ông M 100.000.000 đồng vốn gốc. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Đối với đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện theo khoản 2 Điều 149 Bộ luật dân sự và thay đổi quan hệ tranh chấp từ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thành “Tranh chấp đòi lại tài sản” do ông M đã hết thời hiệu khởi kiện và không chấp nhận yêu cầu của ông M đối với bà H về số tiền lãi suất 74.000.000 đồng. Xét đề nghị của Viện kiểm sát không phù hợp nhận định trên nên không chấp nhận.

* Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc H phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Hữu M phải chịu tiền án phí DSST phần không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi suất chênh lệch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 147, 220, 264, 266 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của ông Nguyễn Hữu M.

Buộc bà Nguyễn Ngọc H phải trả cho ông Nguyễn Hữu M số tiền 143.500.000 đồng (Gồm 100.000.000 đồng vốn gốc vay và 43.500.000 đồng tiền lãi).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu M đối với bà Nguyễn Ngọc H về số tiền lãi suất chênh lệch 30.500.000 đồng.

3. Về án phí:

- Bà Nguyễn Ngọc H phải chịu 7.150.000 đồng án phí DSST.

- Ông Nguyễn Hữu M phải chịu 1.525.000 đồng án phí DSST phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất không được chấp nhận (Có giá ngạch 30.500.000 đồng), khấu trừ số tiền 4.350.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp. Trả lại cho ông Nguyễn Hữu M

2.825.000 đồng theo biên lai thu số 002640 ngày 23/03/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS N;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- THA N;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Dương Hữu Chí